

Số: 1015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan; tính chính xác của thông tin, số liệu nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chương trình, dự án tại Phụ lục kèm theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Trợ lý/Thư ký của TTg, các PTTg,
TGD Công TTĐTCTP,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2b).NQ

**KT.THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà

KẾ HOẠCH**Thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

b) Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh đã đề ra.

c) Phân công trách nhiệm chủ trì và trách nhiệm phối hợp giữa tỉnh Đồng Nai và các Bộ, ngành Trung ương bảo đảm thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh. Đồng bộ hệ thống các quy hoạch trên địa bàn tỉnh; bảo đảm sự thống nhất giữa Quy hoạch tỉnh với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch Vùng và các quy hoạch có liên quan. Xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Xác định tiến độ và nguồn lực thực hiện các dự án; xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch, đảm bảo phù hợp với các nội dung theo Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

b) Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp Vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

c) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu, “lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước” để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư trong phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông, liên kết Vùng.

d) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương và khả năng cân đối nguồn lực đầu tư. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; sớm đưa dự án vào khai thác sử dụng, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về dự án đầu tư công

a) Ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng thiết yếu đô thị, hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, tổng thể, thúc đẩy liên kết Vùng, nội vùng gắn với 06 hành lang và 3 vành đai; tăng cường hạ tầng kết nối các địa phương với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, sân bay lưỡng dụng Biên Hòa; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại ba vùng kinh tế - xã hội và hai khu vực động lực của tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh; hạ tầng y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội; hạ tầng thông tin, truyền thông, chuyển đổi số để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.

b) Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, cấp nước, thoát nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: tại Phụ lục kèm theo.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công. Thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại ba vùng kinh tế - xã hội và tập trung tại hai khu vực động lực của tỉnh.

b) Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư gồm: hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; hệ thống cảng thủy nội địa, hạ tầng logistics; các dự án đô thị, du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng đẳng cấp; các dự án phát triển năng lượng tái tạo; các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các lĩnh vực hạ tầng thông tin và truyền thông, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các dự án cấp, thoát nước, xử lý chất thải; hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường, thương mại, dịch vụ.

c) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: tại Phụ lục kèm theo.

3. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai triển khai công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và chỉ đạo lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

theo chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 và các quy định khác có liên quan.

4. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Đề tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt khoảng 10%/năm, tỉnh Đồng Nai dự kiến nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh lũy kế đến năm 2030 theo giá hiện hành khoảng 1.003.700 tỷ đồng (tương đương khoảng 41 tỷ USD), cụ thể trong đó: giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 478.200 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 cần khoảng 525.500 tỷ đồng; tỷ lệ vốn đầu tư công đạt khoảng 20%; vốn đầu tư ngoài ngân sách đạt 80% (trong đó, dự kiến vốn ngoài nhà nước đạt 42% và vốn FDI đạt 58%). Cụ thể như sau:

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021-2030	
	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
Nguồn vốn khu vực nhà nước	20% (tương đương 95.640 tỷ)	20% (tương đương 105.100 tỷ)
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	33,6% (tương đương 160.675,2 tỷ)	33,6% (tương đương 176.568 tỷ)
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	46,4% (tương đương 221.884,8 tỷ)	46,4% (tương đương 243.832 tỷ)

III. CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia, cấp Vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai trong trường hợp có mâu thuẫn theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn

tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt. Tiếp tục rà soát bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định Điều 59 Luật Quy hoạch.

c) Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển, đặc biệt là cơ chế, chính sách cho khu vực động lực, hỗ trợ đầu tư kết nối hạ tầng kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành, sân bay lưỡng dụng Biên Hòa, hạ tầng liên vùng, liên huyện, hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung và cụm công nghiệp, khuyến khích phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao.

d) Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các tỉnh, thành phố khác trên cơ sở phát huy thế mạnh đặc thù của nhau để cùng phát triển trên một số lĩnh vực như: phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; xúc tiến thương mại và đầu tư; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên Vùng; phát triển nhân lực, bao gồm đào tạo và sử dụng lao động; phát triển ngành y tế, khám chữa bệnh và nghiên cứu y học; phát triển công nghiệp (cung cấp nguyên liệu, xây dựng các khu, cụm công nghiệp...); cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội cho Vùng phục vụ công tác dự báo, thu hút đầu tư và phối hợp phát triển; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững...

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Tập trung nguồn lực của Nhà nước để đầu tư, phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng, ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, nhất là hạ tầng giao thông liên Vùng và hạ tầng xã hội. Kết hợp hiệu quả nguồn vốn giữa Trung ương và địa phương, có cơ chế, chính sách phù hợp để huy động vốn tư nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Đẩy mạnh huy động nguồn lực từ hợp tác công - tư, xã hội hóa; ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, có lợi thế cạnh tranh vượt trội, phục vụ cho doanh nghiệp và người dân. Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết để thu hút đầu tư như quỹ đất sạch, nguồn nhân lực chất lượng cao, bổ sung chính sách và các biện pháp để phát triển công nghiệp hỗ trợ.

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư. Thu hút đầu tư có chọn lọc, chú trọng thu hút các dự án công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, ít thâm dụng lao động, tài nguyên và thân thiện với môi trường; cụm liên kết ngành, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hoá, thể thao, du lịch, khoa học - công nghệ, môi trường...

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Tăng cường công tác thông tin, dự báo về cung - cầu lao động. Quan tâm thực hiện tốt công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động trong những lĩnh vực trọng yếu đạt trình độ quốc tế, tạo lợi thế cạnh tranh lâu dài cho tỉnh.

b) Thu hút lực lượng lao động từ ngoài tỉnh để đáp ứng nhu cầu, nhất là các ngành dịch vụ vận tải, logistics, thương mại du lịch... Xây dựng tổ hợp giáo dục đào tạo tỉnh Đồng Nai gần khu đô thị sân bay Long Thành, tận dụng khả năng kết nối với các khu công nghiệp nhằm đón đầu nhu cầu về nguồn lao động.

4. Về môi trường, khoa học và công nghệ

a) Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đảm bảo nguồn lực chi đối với lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ và đổi mới hạ tầng khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu triển khai (R&D), trong đó chú trọng nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa các kết quả khoa học và công nghệ.

- Triển khai quy hoạch và xây dựng khu đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh theo hướng phát triển toàn diện. Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Tạo điều kiện cho các trường đại học, các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ.

- Thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hình thành sàn giao dịch công nghệ của tỉnh, kết nối với các sàn giao dịch công nghệ trong khu vực và quốc tế. Khuyến khích, thúc đẩy phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, trong đó đẩy mạnh phát triển các tổ chức môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ.

b) Giải pháp bảo vệ môi trường

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; các dự án xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp yêu cầu phải hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung mới được tiếp nhận doanh nghiệp thứ cấp vào đầu tư hoạt động.

- Kiểm soát tốt nguồn phát thải khí nhà kính lớn trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Thực hiện nghiêm quy định về kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở, doanh nghiệp. Xây dựng Chương trình giảm thiểu khí cac-bon trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện.

- Nâng cao nhận thức, hiểu biết về kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các tiêu chuẩn, cam kết tự nguyện về môi trường. Nâng cao nhận thức tạo sự thống nhất cao về thực hiện các

cam kết ứng phó với biến đổi khí hậu; hướng dẫn các cơ sở triển khai thực hiện các quy định về giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Về an sinh xã hội

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo trên cơ sở tăng định mức, cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, nhóm yếu thế.

b) Tạo nhiều việc làm bền vững, chất lượng và có thu nhập cao; giảm thất nghiệp; chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động theo hướng phát triển công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

c) Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp về số lượng, quy mô, cơ cấu, loại hình cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội.

d) Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân theo quy định. Đẩy mạnh các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng.

đ) Tổ chức hiệu quả các chính sách và pháp luật về trẻ em, các chương trình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Tổ chức thực hiện công tác quản lý và khai thác nguồn thu ngân sách nhà nước hiệu quả; kịp thời xử lý, tháo gỡ các vướng mắc về thu ngân sách. Tiếp tục thực hiện hiệu quả, đúng quy định việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

b) Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo tính hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Huy động từ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi nước ngoài, nguồn vốn viện trợ để thực hiện đề án, dự án của địa phương trong phát triển cơ sở hạ tầng trọng điểm, tăng cường liên kết Vùng... Thực hiện khai thác có hiệu quả quỹ đất vùng phụ cận các đường kết nối quy hoạch tạo nguồn vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các hạ tầng khác.

c) Sử dụng nguồn vốn đầu tư công hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; tập trung đầu tư, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết Vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước, chính quyền về công tác quốc phòng - an ninh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai.

b) Xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh theo hướng nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu, công tác huấn luyện tác chiến, triển khai hiệu quả đề án, kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự trên địa bàn toàn tỉnh.

c) Nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, an ninh, phù hợp với bối cảnh, tình hình, thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai. Xây dựng lực lượng Quân đội, Công an nòng cốt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

d) Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, chú trọng nguồn lực hậu cần - kỹ thuật, cơ sở vật chất, hạ tầng và tiềm lực kinh tế quốc phòng - an ninh phục vụ công tác, chiến đấu của các lực lượng.

đ) Tăng cường, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng - an ninh phục vụ yêu cầu công tác quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội.

e) Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động của cơ quan quân sự các cấp. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch

thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (iii) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2024 ; (iv) không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án trong danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư; (v) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có): chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức phổ biến nội dung Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân trên địa bàn tỉnh biết, hiểu, nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng Quy hoạch tỉnh, tạo nền tảng nhận thức thống nhất về tầm nhìn, mục tiêu, định hướng phát triển tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch Vùng đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương.

đ) Định kỳ hàng năm đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành./.